

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Đỗ Mạc Ngân Doanh

**QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Lý luận và Lịch sử Nhà nước và pháp luật
Mã số: 62.38.01.01**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Công trình được hoàn thành tại
Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Báo
2. PGS.TS. Trương Thị Hồng Hà

Phản biện 1: GS. TS. Thái Vĩnh Thắng

Phản biện 2: PGS.TS. Tường Duy Kiên

Phản biện 3: PGS. TS. Nguyễn Minh Phương

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại

Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Vào hồi:giờ.....phút, ngày.....tháng năm 2017

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam

- Thư viện Học viện Khoa học Xã hội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết

1.1. Tới đầu thế kỷ XX, quyền của người dân tộc thiểu số (QCNDTTS) đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu cùng với vấn đề về quyền của trẻ em, người bản địa và tù binh chiến tranh. Tuy nhiên so với các đối tượng dễ bị tổn thương khác, cơ sở pháp lý quốc tế bảo vệ QCNDTTS vẫn còn nhiều khoảng trống. Nghiên cứu lý luận tại mỗi quốc gia, khu vực về QCNDTTS đóng góp vào việc xây dựng các tiêu chuẩn pháp lý quốc tế về QCNDTTS hiện hành.

1.2. Ở Việt Nam, nghiên cứu lý luận về quyền con người (QCN) được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX gắn với Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 12/7/1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “*Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta*”. Mười năm sau đó, QCN mới thực sự trở thành đề tài được nhiều nhà khoa học ở Việt Nam quan tâm nghiên cứu. Tuy nhiên, thực tiễn nghiên cứu lý luận liên quan đến QCNDTTS ở Việt Nam lại được tiến hành sớm hơn. Ngay từ năm 1979, Danh mục thành phần dân tộc Việt Nam do Tổng cục Thống kê đã được công bố, tạo nền tảng cơ bản cho ghi nhận QCNDTTS. Bên cạnh đó, bảo đảm đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy sự bình đẳng và phát triển đồng đều giữa các cộng đồng dân tộc được đề cập đến trong tất cả các bản Hiến pháp Việt Nam từ năm 1945 đến nay. Mặc dù vậy, lý luận bảo vệ và thúc đẩy thực hiện QCNDTTS ở Việt Nam đến nay chưa có nhiều chuyển biến rõ rệt.

1.3. Các cộng đồng NDTTS ở Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của một quốc gia thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng phần lớn NDTTS lại là nhóm người dễ bị tổn thương (vulnerable groups) hơn so với nhóm người dân tộc chiếm đa số trong

một quốc gia, điều này đòi hỏi một cơ chế bảo vệ QCN đặc biệt. Giải quyết vấn đề người thiểu số về dân tộc hay chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ không chỉ thuần túy liên quan đến việc giải quyết các nhu cầu cơ bản của QCN mà thường liên quan mật thiết tới sự phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa và hòa bình, ổn định chính trị ở các quốc gia đa dân tộc. Do đó, việc nghiên cứu vấn đề bảo đảm, tôn trọng, bảo vệ và thực hiện QCNDTTS vẫn còn nhiều hạn chế, bởi chính tính phức tạp và nhạy cảm của nó. Điều này đòi hỏi một công trình nghiên cứu công phu, hệ thống hơn.

1.4. Thời gian qua, vẫn đang tồn tại khá nhiều vướng mắc trên phương diện nhận thức và lý luận về QCNDTTS ở Việt Nam như: Chủ thể hưởng QCNDTTS là cá nhân hay nhóm (cộng đồng)? Khái niệm và nội hàm của QCNDTTS bao gồm những gì để không vi phạm nguyên tắc bình đẳng phổ quát? Bản chất, đặc điểm QCNDTTS gắn với việc xây dựng cơ chế bảo đảm quyền ra sao? Điều kiện bảo đảm QCNDTTS có vai trò và tác động như thế nào?... Việt Nam là quốc gia được đánh giá có nhiều đạo luật nhất trên thế giới và có hệ thống chính sách về dân tộc đồ sộ với hơn 183 chính sách được thể chế qua 264 văn bản của Chính phủ. Mặc dù việc tồn tại những vướng mắc về sự chồng chéo, rườm rà, chậm trễ và thiếu hiệu quả... trong hoạt động bảo đảm quyền là không thể tránh khỏi do chưa được rà soát và giám sát bởi một tiếp cận chuyên biệt như QCN, nhưng đã đến lúc không nên để khoảng trống pháp lý nhằm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành hiệu quả các quy định về cơ chế, phương thức bảo đảm QCNDTTS còn là hạn chế. Cho nên việc triển khai nghiên cứu các khía cạnh lý luận và thực tiễn liên quan đến bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay cần được đặt ra một cách cấp bách.

1.5. Cuối cùng, cho đến nay, chưa có công trình nghiên cứu

khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ cũng như luận án tiến sĩ nào nghiên cứu đề tài “Quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay”.

Từ những lý do trên, nghiên cứu sinh đã lựa chọn **Quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam** làm đề tài nghiên cứu của luận án tiến sĩ.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích: Luận án đề xuất một hệ thống giải pháp nhằm bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến cơ chế pháp lý quốc tế nhằm rút ra những vấn đề luận án cần tiếp tục nghiên cứu. Phân tích và làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về QCNDTTS. Thống kê, phân tích, đưa ra những ý kiến đánh giá khách quan, toàn diện, khoa học về thực trạng pháp luật về QCNDTTS; thực trạng thiết chế bảo đảm QCNDTTS; thực trạng tổ chức thực hiện QCNDTTS và thực trạng các điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay. Phân tích, xác định các quan điểm xuyên suốt trong việc bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Luận án nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi không gian: Địa bàn nghiên cứu của đề tài sẽ được thực hiện tại 20/63 tỉnh thành trong cả nước. Đó là các tỉnh thành có tỷ lệ dân số NDTTS cao của vùng, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, có các cộng đồng NDTTS rất ít người sinh sống và nền văn hóa đặc thù. Cụ thể: 11 tỉnh ở Trung du và miền núi phía Bắc (Hòa Bình, Sơn La, Điện

Biên, Lai Châu, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn); 02 tỉnh ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (Thanh Hóa, Nghệ An); 04 tỉnh ở Tây Nguyên (Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông); 02 tỉnh ở Tây Nam Bộ (Trà Vinh, Sóc Trăng) và 01 tỉnh ở Đông Nam Bộ (Bình Phước).

- Phạm vi thời gian: Luận án nghiên cứu các số liệu từ 2010 – nay.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận: Luận án được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận, phương pháp biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm cơ bản của Đảng ta về vấn đề dân tộc, đề tài sử dụng các cách tiếp cận sau: Tiếp cận đa ngành, liên ngành khoa học xã hội (triết học, chính trị học, văn hóa học, xã hội học, sử học, dân tộc học...) và liên ngành luật học; tiếp cận dựa trên QCN (human right based approach); tiếp cận “bình đẳng thực chất” (substantive equality); tiếp cận hợp nhất.

4.2. Phương pháp nghiên cứu: Luận án áp dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể như: thu thập tài liệu và số liệu; phân tích, tổng hợp; cấu trúc hệ thống; luật học so sánh; thống kê; xã hội học pháp luật; lịch sử; phỏng vấn chuyên gia; xử lý thông tin, số liệu...

5. Đóng góp mới về khoa học của đề tài

- Luận án là công trình đầu tiên nghiên cứu một cách toàn diện, có hệ thống dưới tiếp cận luật học về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án nghiên cứu toàn diện, hệ thống tình hình nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án luận giải, đưa ra khái niệm QCNDTTS ở Việt Nam; xác định đặc điểm, bản chất, nội dung, giới hạn, cơ chế bảo đảm và

phân tích các điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án cho thấy trạng thái QCNDTTS, diện mạo QCNDTTS ở 20/63 tỉnh thành ở Việt Nam hiện nay. Mô tả và đánh giá: thực trạng chính sách và pháp luật về QCNDTTS; thực trạng thiết chế bảo đảm QCNDTTS; thực trạng tổ chức thực hiện QCNDTTS của các cơ chế bảo đảm QCNDTTS và thực trạng các điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

- Luận án xác định các quan điểm định hướng, tìm ra những hạt nhân tăng cường hiệu quả bảo đảm QCNDTTS và đề xuất hệ thống các giải pháp có tính toàn diện và khả thi nhằm bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Thành công của đề tài có ý nghĩa thiết thực đối với nhiệm vụ phát huy dân chủ, tăng cường sức mạnh cho khối đại đoàn kết dân tộc, thúc đẩy hòa bình và phát triển bền vững ở Việt Nam hiện nay. Đề tài hình thành nền tảng nhận thức về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay phù hợp với tiêu chuẩn pháp lý quốc tế về nhân quyền. Hoàn thiện chính sách, pháp luật về QCNDTTS, tăng cường hiệu quả của thiết chế thực hiện QCNDTTS và thúc đẩy các điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay. Luận án có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo đối với các nhà hoạch định chính sách, các nhà lập pháp, các nhà quản lý và các nhà hoạt động xã hội nói chung, pháp lý nói riêng. Luận án cũng có thể được tham khảo trong hoạt động nghiên cứu và đào tạo dưới góc tiếp cận đa ngành, liên ngành và Lý luận và lịch sử Nhà nước và Pháp luật.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần Mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung luận án gồm 4 chương:

Chương 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2. Những vấn đề lý luận cơ bản về quyền của người dân tộc thiểu số

Chương 3. Thực trạng quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Chương 4. Quan điểm và giải pháp bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

1.1.1. Tình hình nghiên cứu trong nước

- Nghiên cứu về QCNDTTS ở trong nước đa phần là những tiếp cận đa ngành, liên ngành dân tộc học. Phần lớn các tư liệu là công trình, bài viết về thực tiễn tổ chức thực hiện chính sách giáo dục, chăm sóc sức khỏe và y tế đối với trẻ em NDTTS, chính sách giảm nghèo ở vùng dân tộc thiểu số... chứ không phải nghiên cứu dưới góc độ của quyền.

- Hiện nay ở Việt Nam, có rất nhiều bài viết, nghiên cứu về khái niệm, đặc điểm NDTTS dưới góc độ luật học (nghiên cứu của Đỗ Thị Thơm; Lê Xuân Trinh), chính trị học (nghiên cứu của Hoàng Chí Bảo; Đoàn Minh Huân; Lê Ngọc Thắng), sử học (nghiên cứu của Phan Hữu Dật và Lâm Bá Nam), văn hóa (nghiên cứu của Đào Thế Đức; Lê Hồng Lý) và dân tộc học (nghiên cứu của Nguyễn Tấn Đắc; Khổng Diễm; Mạc Đường; Phạm Quang Hoan; Phạm Quang Linh; Bùi Minh Đạo; Trịnh Thị Kim Ngọc...). Tuy nhiên, các nghiên cứu chuyên biệt dưới góc độ luật học và dưới tiếp cận QCN đối với NDTTS có rất ít. Do đó, cơ sở lý luận về QCNDTTS vẫn chưa được nhận diện đầy đủ.

- Thực trạng kinh tế, văn hóa, xã hội của NDTTS ở Việt Nam hiện nay là nội dung đã được quan tâm nghiên cứu và thống kê thực tiễn khá đầy đủ. Phản ánh thực tiễn hiện nay về những thực trạng của việc thực hiện các QCNDTTS và thực trạng của các điều kiện bảo đảm QCNDTTS, đặc biệt là điều kiện về nguồn lực. Nhưng chưa đưa ra những đánh giá gắn với quyền con người của NDTTS, ví dụ như: quyền sống còn của trẻ em NDTTS; quyền tham gia - phản biện xã hội; quyền tiếp cận thông tin... và các QCN khác. Chưa có một nghiên cứu hệ thống nào đánh giá về thực trạng pháp lý về QCNDTTS, về các nội dung QCNDTTS bị xâm hại.

- Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng bảo đảm QCNDTTS là vấn đề đòi hỏi những bước đi thận trọng, kiên nhẫn, đòi hỏi phải tiếp tục chuẩn bị và hiểu cặn kẽ những nền tảng lý luận về QCNDTTS, nâng cao tinh thần đồng cảm - thấu hiểu.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở nước ngoài

- Ở bình diện quốc tế, những nghiên cứu tiêu biểu cho thấy xu hướng cổ vũ cho việc xây dựng và hoàn thiện những tiêu chuẩn về quyền của người thiểu số. Đồng thời liên tục chỉ ra những rào cản (đặc biệt là sự khác biệt về quan điểm) trong tiếp cận nghiên cứu quyền của người thiểu số ở các khu vực trên thế giới.

- Các tác giả đã đề cập và giải quyết được một số nội dung liên quan đến cơ sở lý luận nền tảng về quyền của người thiểu số (như PCIJ; Francesco Caportoti; Jules Deschêness; Absjorn Eide; Stanislav Chernichenko...); sự hình thành và phát triển của quyền thiểu số; hướng dẫn xây dựng khái niệm, nội hàm và điều kiện để bảo đảm quyền của người thiểu số (như OHCHR); đánh giá sự ghi nhận của Luật quốc tế về quyền của người thiểu số (như Patrick Thornberry), xác định những vi phạm về quyền của người thiểu số

về dân tộc hoặc chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ (như Deon Geldenhuys và Johann Rossouw).

- Phương án bảo đảm quyền của người thiểu số được đưa ra vô cùng đa dạng ở mỗi quốc gia hay các khu vực. Có một số nội dung là mối quan tâm chung như: nghèo đói, phân biệt đối xử, sử dụng và bảo tồn ngôn ngữ, bảo tồn văn hóa và tín ngưỡng thiểu số, ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng dân tộc thiểu số... Tại nhiều quốc gia, xây dựng cơ quan nhân quyền quốc gia cũng thuận lợi hơn trong giải quyết vấn đề về QCN, QCNDTTS.

1.2. Nhận xét về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

1.2.1. Nhận xét tổng quát

Mặc dù số lượng các công trình nghiên cứu liên quan tới đề tài luận án lên tới con số khó có thể thống kê hết nhưng hiện tại chưa có một công trình nghiên cứu nào tổ chức nghiên cứu một cách hệ thống và đầy đủ, toàn diện về các quy định của pháp luật, việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền của NDTTS, cơ chế bảo đảm quyền và các điều kiện bảo đảm quyền ở Việt Nam, tiếp cận dưới góc độ lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật.

1.2.2. Những nội dung nghiên cứu đã sáng tỏ và được luận án kế thừa, phát triển trong nghiên cứu đề tài

- Trên phương diện lý luận: Nhận thức chung về bảo đảm QCN; quyền của người thiểu số, vai trò của pháp luật trong việc chế định hóa các nội dung của QCNDTTS.

- Trên phương diện thực tiễn: Quá trình hình thành và phát triển quan điểm của Đảng ta về xây dựng chính sách dân tộc; Cơ chế giám sát của Hội đồng dân tộc của Quốc hội và cơ chế phản biện xã hội đã đạt được sự đồng thuận trên những luận điểm cơ bản.

- Trên phương diện đề xuất, kiến nghị, giải pháp: có nhiều ý

kiến khả thi về giải pháp tăng cường phát triển đời sống cho đồng bào NDTTS và xây dựng mô hình cơ quan nhân quyền quốc gia.

1.2.3. Những vấn đề liên quan đến chủ đề luận án nhưng chưa được giải quyết thấu đáo hoặc chưa được đặt ra nghiên cứu

- Về lý luận: Khái niệm, đặc điểm, bản chất, nội hàm, giới hạn, cơ chế bảo đảm và điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

- Về thực tiễn: Thực trạng ghi nhận vào Hiến pháp và pháp luật của QCNDTTS; Đánh giá toàn diện, cụ thể về các yếu tố cấu thành nội dung và thực tiễn vận hành của các cơ chế bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam; Thực trạng các điều kiện đảm bảo QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

- Về giải pháp, kiến nghị: Hệ thống giải pháp toàn diện về quyền con người, mang tính chiến lược, tổng thể, lâu dài và bền vững cho vấn đề QCNDTTS ở Việt Nam.

1.3. Những vấn đề đặt ra liên quan đến đề tài luận án

Giả thuyết nghiên cứu: Bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Việc ghi nhận, bảo vệ và thực hiện QCNDTTS ở Việt Nam là một chính sách nhất quán, được quy định trong Hiến pháp và pháp luật, tạo cơ sở đảm bảo cho các dân tộc thiểu số được tiếp cận quyền trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội và văn hóa. Mặc dù vậy, thể chế hiện hành lại thiếu đi một cơ chế bảo đảm có khả năng hiện thực hóa. Trước sự biến đổi của đời sống xã hội và yêu cầu của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, bảo đảm QCNDTTS bộc lộ những hạn chế và bất cập khi áp dụng với điều kiện kinh tế, xã hội trong nước. Yêu cầu nhận thức đầy đủ và tăng cường bảo đảm QCNDTTS đang đặt ra một cách cấp bách, là một trong những yếu tố quyết định đến xây dựng nhà nước pháp quyền, của dân, do dân, vì dân, góp

phần quan trọng thúc đẩy đại đoàn kết dân tộc, an ninh chính trị - xã hội, phát triển bền vững và toàn vẹn lãnh thổ ở nước ta hiện nay.

Câu hỏi nghiên cứu: Một là, những vấn đề lý luận nào về QCNDTTS đang được đặt ra, cần phải lý giải, giải quyết để tạo lập nên nền tảng nhận thức về QCNDTTS? Cơ sở lý luận cho việc đánh giá thực trạng về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay là gì? Hai là, thực trạng QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay (về chính sách và pháp luật, thiết chế bảo đảm, điều kiện bảo đảm) đang ở trạng thái như thế nào? Tổ chức thực hiện QCNDTTS có thành công, hạn chế và nguyên nhân nào? Ba là, cần làm gì để bảo đảm QCNDTTS tốt hơn ở Việt Nam hiện nay?

Tiểu kết chương 1

Thực trạng nghiên cứu cho thấy, còn nhiều vấn đề thuộc đề tài luận án chưa được giải quyết thấu đáo hoặc chưa được đặt ra trong các công trình nghiên cứu đã công bố. Trên cơ sở tổng quan tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài, luận án đã xác định các nội dung cơ bản cần tiếp tục nghiên cứu trong luận án, đặt ra giả thuyết nghiên cứu và các câu hỏi nghiên cứu nhằm thực hiện được mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, đảm bảo được giá trị khoa học và thực tiễn của luận án.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

2.1. Khái niệm, đặc điểm, bản chất quyền của người dân tộc thiểu số

2.1.1. Khái niệm quyền của người dân tộc thiểu số

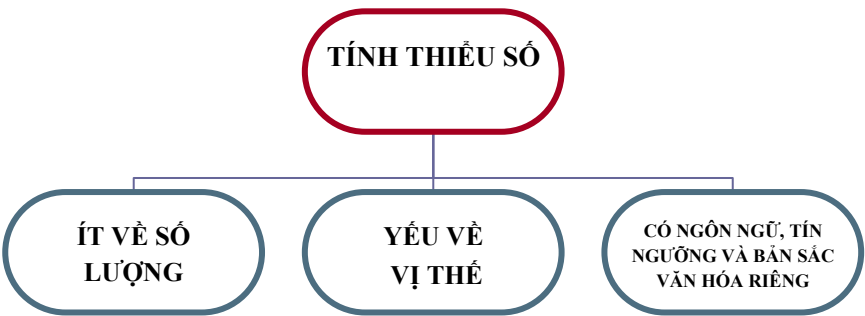
2.1.1.1. Người thiểu số

Người thuộc nhóm thiểu số về quốc tịch (national) hoặc chủng tộc (ethnic), tôn giáo và ngôn ngữ là đối tượng bảo vệ của pháp luật

nhân quyền quốc tế. Nhưng đến nay chưa có khái niệm nào về "người thiểu số" chính thức được ghi nhận trong một văn kiện quốc tế có tính ràng buộc pháp lý.

Hình 2.1. Các yếu tố cấu thành nên tính "thiểu số "

(Tác giả lập sơ đồ trên cơ sở phân tích các đặc trưng của người thiểu số)



Trên cơ sở thực tiễn bảo đảm quyền của nhóm này, có thể hiểu người thiểu số là chủ thể mang bản chất của những "đối tượng dễ bị tổn thương" và vì những lý do chủ quan hoặc khách quan nào đó khiến họ yếu hơn về vị thế trên mọi lĩnh vực của đời sống so với một nhóm chiếm ưu thế cụ thể (tương quan so sánh trong phạm vi quốc gia), nguyên nhân sâu xa của mọi rào cản để tiếp cận bình đẳng các QCN, do đó cũng không đủ khả năng bảo tồn chính những giá trị văn hóa riêng của mình, những giá trị đặc thù không thể thay thế của nền văn minh - văn hóa của nhân loại.

2.1.1.2. Người dân tộc thiểu số

Khái niệm “dân tộc thiểu số” ở Việt Nam đã được đề cập đến tại Điều 4 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về công tác dân tộc. "Người dân tộc thiểu số" tại Việt Nam có các QCN gắn với vấn đề đa dạng dân tộc, ngôn ngữ tại Việt

Nam, là chủ thể hưởng quyền (bao gồm nhóm và các thành viên của nhóm), là đối tượng tiếp cận để xây dựng hệ thống khái niệm, đặc điểm, bản chất, nội dung, giới hạn và điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

2.1.1.3. Quyền của người dân tộc thiểu số

Bảo đảm QCNDTTS là vấn đề được đặt ra ở các quốc gia đa dân tộc. Bằng những khía cạnh đặc biệt của chủ thể hưởng quyền cũng như nhu cầu về quyền, mỗi quốc gia lại có những cách khác nhau để xây dựng định nghĩa về QCNDTTS. Ở Việt Nam, có thể hiểu quyền của người dân tộc thiểu số là tập hợp những nhu cầu, lợi ích tự nhiên của người dân tộc thiểu số trong mối tương quan bình đẳng với người dân tộc đa số ở một quốc gia đa dân tộc, được pháp luật công nhận nhằm thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện (*Cách hiểu của tác giả*).

2.1.2. Bản chất, đặc điểm quyền của người dân tộc thiểu số

QCNDTTS mang bốn đặc tính cơ bản của quyền con người và tính thích ứng với xã hội. Đặc điểm quyền của người dân tộc thiểu số bao gồm: QCNDTTS là quyền của nhóm; phản ánh những nhu cầu, lợi ích, đặc tính chủ yếu, xuất phát từ các quan hệ pháp luật của cộng đồng người dân tộc thiểu số và được thể hiện bằng các biện pháp đặc biệt tạm thời (temporary special measures).

2.2. Nội dung quyền của người dân tộc thiểu số

Xuất phát từ khái niệm, bản chất, đặc điểm về QCNDTTS; từ những công cụ pháp lý quốc tế, hướng dẫn hiện hành của Liên hợp quốc và từ thực tiễn nghiên cứu lý luận về nhu cầu nói chung của các nhóm thiểu số về văn hóa và ngôn ngữ ở Việt Nam có thể thấy nội dung QCNDTTS bao gồm những phương diện chính sau đây:

- Quyền bình đẳng, không phân biệt đối xử trong tiếp cận và thụ

hưởng các quyền con người.

- Nhóm quyền sống còn: hướng tới khía cạnh bảo đảm quyền có quốc tịch và quyền được xác định dân tộc; bảo đảm an ninh cá nhân đối với NDTTS và bảo đảm sự phát triển ổn định và quy mô dân số, bảo đảm quyền sống còn của trẻ em NDTTS.

- Nhóm quyền hưởng thụ và phát huy văn hóa, tín ngưỡng, truyền thống và tập quán của NDTTS.

- Nhóm quyền được sử dụng ngôn ngữ thiểu số.

- Nhóm quyền được tham gia hiệu quả.

- Nhóm quyền an sinh xã hội.

- Giới hạn quyền và căn cứ giới hạn quyền của người dân tộc thiểu số nhằm bảo vệ các quyền tự do hợp pháp và QCN của người khác; bảo vệ an ninh quốc gia (national security); bảo đảm an toàn cho cộng đồng (public safety); bảo vệ sức khỏe hay đạo đức của cộng đồng (public health or moral).

2.3. Các điều kiện bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số

Trong khi xây dựng các quy định pháp luật quốc gia và nghiên cứu thực tiễn của cơ chế thực hiện QCNDTTS, cần phải nghiên cứu chi tiết thực trạng về các điều kiện bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay, bao gồm: Điều kiện chính trị, kinh tế; Điều kiện văn hóa, đạo đức xã hội; Điều kiện pháp lý.

2.4. Cơ chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số

Trên nền tảng của cơ chế bảo đảm quyền con người, cơ chế bảo đảm QCNDTTS hiện hành bao gồm: 1) Cơ chế quốc tế đa phương bảo đảm QCNDTTS của Liên hợp quốc (cơ chế liên chính phủ); 2) Cơ chế khu vực bảo đảm QCNDTTS; 3) Cơ chế quốc gia về bảo vệ QCNDTTS, trong đó chủ yếu là trách nhiệm của Nhà nước.

Tiểu kết chương 2

Bảo đảm QCNDTTS ở các quốc gia đa dân tộc hiện nay bao gồm các nghĩa vụ bảo đảm, tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện QCNDTTS. Trong đó hướng tới 06 nhóm vấn đề và 01 nội dung về giới hạn quyền. Nghiên cứu chi tiết thực trạng về cơ chế và các điều kiện bảo đảm quyền có tác động lớn đến việc thúc đẩy thực hiện các QCNDTTS, bên cạnh đó góp phần đánh giá thực trạng QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Khái quát quá trình phát triển tư duy, nhận thức về quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Trải qua các thời đại (từ thời đại nguyên thủy, thời đại dựng nước, đến thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc) đến nay, lịch sử Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu nổi bật về việc thi hành nhiều chính sách hiệu quả trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giáo dục, chính trị, quân sự, ngoại giao... nhằm củng cố khối đoàn kết dân tộc, nâng cao ý chí và sức mạnh toàn dân. Đó là những bài học kinh nghiệm thực tiễn vô cùng quan trọng đối với nhu cầu xây dựng và tổ chức thực thi QCNDTTS trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

3.2. Thực trạng pháp luật về quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

3.2.1. Thành tựu về ghi nhận quyền của người dân tộc thiểu số trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam hiện nay

Việc ghi nhận, bảo vệ và thực hiện QCNDTTS ở Việt Nam là một chính sách nhất quán, được quy định trong Hiến pháp và pháp luật, tạo cơ sở bảo đảm cho NDTTS được tiếp cận quyền trên tất cả

các lĩnh vực kinh tế, dân sự, chính trị, văn hoá và xã hội. Trong đó, hầu hết các quyền con người đã được hiến định tại Hiến pháp hiện hành và có nội dung hoàn toàn phù hợp với nội dung của các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia.

3.2.2. Một số hạn chế và nguyên nhân của hạn chế về ghi nhận quyền của người dân tộc thiểu số trong pháp luật ở Việt Nam hiện nay

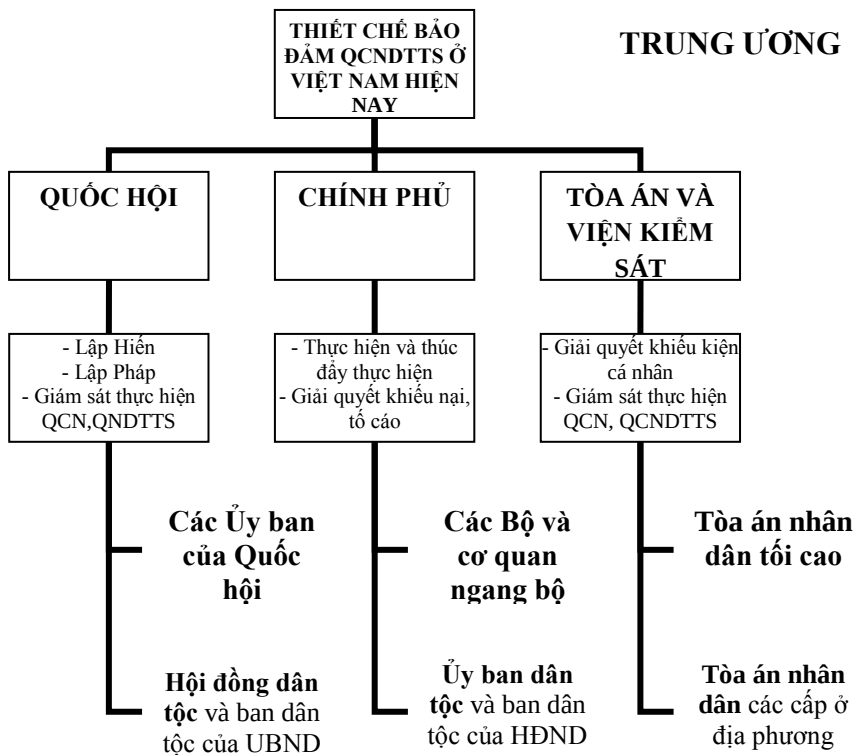
Việc xây dựng các quy định về QCNDTTS trong pháp luật ở Việt Nam hiện nay vẫn còn một số hạn chế như: Khái niệm về dân tộc thiểu số, NDTTS, QCNDTTS chưa được ghi nhận trong bất cứ đạo luật nào mà mới chỉ được đề cập đến trong một văn bản dưới luật; quan điểm tồn tại trong đa dạng được phổ biến hạn chế; pháp luật thiếu tính chế tài; quản lý luật tục thông qua giới hạn về QCN vẫn chưa được đề cập rõ ràng và cụ thể... Nguyên nhân của hạn chế đó là do vai trò và vị trí của QCNDTTS ở Việt Nam vẫn chưa được đặt đúng vị trí; năng lực lập pháp; nhận thức của cộng đồng, của xã hội... ở Việt Nam còn ở mức độ hạn chế.

3.3. Thực trạng thiết chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

3.3.1. Ưu điểm của các thiết chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Ở Việt Nam, thiết chế bảo đảm QCNDTTS là một hệ thống sẵn có, bao gồm sự tham gia của các cơ quan nhà nước có chức năng, nhiệm vụ khác nhau từ trung ương đến địa phương, bên cạnh đó, còn có các tổ chức phi chính phủ có vai trò thúc đẩy QCNDTTS thiểu số được thực hiện. Ưu điểm nổi trội của thiết chế bảo đảm QCNDTTS đó là hệ thống sẵn có và chuyên trách nhằm bảo đảm QCNDTTS, thậm chí có tính ưu việt cao hơn so với thiết chế bảo đảm quyền con

người ở Việt Nam hiện nay, trong đó nổi trội là hệ thống hỗ trợ, ưu đãi về giáo dục; phát triển sản xuất...



3.3.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế đối với thiết chế tổ chức thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Hạn chế của thiết chế bảo đảm QCNĐTTS ở Việt Nam hiện nay bộc lộ rõ nhất bởi tính chồng chéo về thẩm quyền, chức năng và tính thiếu khả thi.

3.4. Thực trạng tổ chức thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

3.4.1. Thành tựu của tổ chức thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Thành tựu của tổ chức thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay thể hiện sự nỗ lực của Đảng, Nhà nước trên đầy đủ các phương diện của quyền.

3.4.2. Hạn chế trong tổ chức thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Tổ chức thực hiện QCNDTTS chưa đáp ứng được nhu cầu của người dân tộc thiểu số như phương diện của quyền an sinh xã hội; quyền sử dụng ngôn ngữ thiểu số; quyền sống còn của trẻ em người dân tộc thiểu số...

3.4.3. Nguyên nhân của hạn chế trong tổ chức thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

Khó khăn trong tổ chức thực hiện chính sách - pháp luật nhằm bảo đảm QCNDTTS hiện nay tại Việt Nam được các địa phương khẳng định do sự thiếu thốn của các điều kiện về nguồn lực. Thiếu thốn về nguồn lực, bao gồm: điều kiện về cơ sở hạ tầng (chưa cải tạo được cơ sở hạ tầng nhằm phát triển sản xuất); điều kiện về nguồn lực kinh tế (vốn nhà nước và vốn vay ODA không đáp ứng đủ); điều kiện về nguồn nhân lực (về số lượng chưa đủ và chưa thích ứng được với nhu cầu bảo đảm QCNDTTS); điều kiện về nhận thức của nguồn nhân lực...

3.5. Thực trạng các điều kiện bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

- Ổn định chính trị - xã hội là nền tảng vững chắc tạo ra môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm các QCN cơ bản của đất nước.

- Điều kiện về cơ sở hạ tầng vẫn thiếu thốn, chưa đáp ứng được

nhu cầu cơ bản về QCN, QCNDTTS. Rõ rệt nhất ở khu vực Trung du và miền núi phía Bắc, kể đến là Tây Nguyên và Tây Nam Bộ.

- Điều kiện văn hóa, đạo đức xã hội bảo đảm QCNDTTS bao gồm: tính cố kết cộng đồng; các giá trị châu Á; hệ thống triết lý về các giá trị đạo đức; truyền thống yêu nước, khoan dung và nhân đạo... Tuy nhiên, những yếu tố này cũng khiến việc thiết lập các thiết chế bảo vệ và thực thi QCNDTTS trở nên khó khăn hơn.

Tiểu kết chương 3

Bảo đảm QCNDTTS đã thành truyền thống lịch sử và cũng đã thành ứng xử văn hóa của Đảng và Nhà nước ta. Với đặc thù quản lý bằng chính sách để bảo đảm QCNDTTS như ở Việt Nam hiện nay, ưu điểm là khả năng dễ dàng cập nhật, linh hoạt thay đổi, phù hợp với nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số. Ngược lại, thách thức là không thể tránh được sự chông chéo, thiếu ổn định, thiếu thống nhất. Trong quá trình thực thi QCNDTTS, những rào cản của điều kiện về kinh tế và trình độ nhận thức của nguồn nhân lực... đã và đang dẫn đến hiệu quả thấp trong tổ chức thực hiện quyền.

CHƯƠNG 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM QUYỀN CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

4.1. Quan điểm bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

4.1.1. Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số phải gắn với yêu cầu thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối của Đảng, cụ thể hoá các quy định của Hiến pháp năm 2013

“Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế” và “đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế” là những truyền thống

quý báu và là nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng nước ta.

4.1.2. Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, đặc biệt là các vùng biên giới, hải đảo

Bản chất của bảo đảm QCNDTTS là bảo đảm an ninh, ổn định chính trị và xã hội và ngược lại ổn định chính trị - xã hội cũng chính là tiền đề để QCN, QCNDTTS được thực hiện.

4.1.3. Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số phải tương thích với yêu cầu thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền trong bối cảnh hội nhập quốc tế

Hiện nay, khi đã trở thành thành viên của 7/9 công ước quốc tế cơ bản về QCN (ICCPR; ICESCR; CRC; CEDAW; CERD; CAT; CRPD) của Liên hợp quốc, bảo đảm QCN ở Việt Nam đã bao gồm các nghĩa vụ của nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện QCN của mỗi cá nhân/ cộng đồng NDTTS.

4.1.4. Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, đồng thời tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; kết hợp hài hoà bản sắc văn hoá, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tính hiện đại của hệ thống pháp luật

Các quy định về QCN trong Hiến pháp Việt Nam 2013 là cơ hội rất thuận lợi để thúc đẩy QCNDTTS trên mọi lĩnh vực được thực hiện. Bảo đảm QCNDTTS cũng phải được tiến hành trên cơ sở rà soát toàn thiện, một cách đồng bộ và có hệ thống các ngành luật khác có liên quan đến vấn đề của NDTTS.

4.1.5. Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số phải thường xuyên gắn với phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế trong quá

trình xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thi hành pháp luật một cách lâu dài, bền vững

Nền tảng của dân chủ và pháp chế là trình độ nhận thức đầy đủ về QCN, QCNDTTS. Việc nâng cao nhận thức về pháp luật của cộng đồng, qua đó để NDTTS có thể tự nhận thức được QCN của mình từ đó phát huy tốt nhất vai trò và vị trí của mình trong xã hội, từng bước nâng cao đời sống của cá nhân, cộng đồng NDTTS ở các vùng miền khác nhau.

4.1.6. Bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số cần được tiến hành đồng bộ với cải cách hành chính, cải cách tư pháp; coi trọng số lượng và chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; dự tính đầy đủ các điều kiện bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành của pháp luật

Trong bối cảnh yêu cầu xây dựng và hoàn thiện pháp luật đến năm 2020 bảo đảm QCNDTTS có điều kiện cập nhật, chủ động, linh hoạt, tạo ra nhiều cách lựa chọn, nhiều cách đi, nhiều cách giải quyết phù hợp với mỗi vấn đề, mỗi vùng, mỗi tộc người.

4.2. Giải pháp bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện chính sách và pháp luật bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số

Bao gồm hai nhóm giải pháp: Hoàn thiện chính sách và hoàn thiện pháp luật. Trong đó đề cập đến các nội dung chi tiết, cụ thể nhằm bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay

4.2.2. Giải pháp tăng cường hiệu quả của các thiết chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số

Bao gồm 08 nhóm: (1) Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Ủy ban dân tộc. (2) Tăng cường hiệu quả, hiệu lực của Hội đồng dân tộc của Quốc hội và thúc đẩy xây dựng mô hình về cơ quan nhân

quyền quốc gia. (3) Hạn chế thẩm quyền chồng chéo trong hoạt động liên bộ, ngành của Chính phủ thực hiện công tác dân tộc. (4) Tăng cường thực hiện cơ chế tự chủ, minh bạch hóa về tài chính. (5) Tăng cường trách nhiệm giải trình và năng lực tiếp cận thông tin của các chủ thể có vai trò chính (Nhà nước và người dân). (6) Tăng cường thúc đẩy hiệu quả hoạt động của các tổ chức xã hội dân sự. (7) Tăng cường sử dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực luật học và nhân quyền, có kinh nghiệm, am hiểu về công tác dân tộc đến công tác ở vùng đồng bào dân tộc. (8) Đa dạng hóa, phát triển nhanh các loại hình đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề ở vùng dân tộc thiểu số.

4.2.3. Giải pháp đảm bảo điều kiện kinh tế, văn hóa - xã hội

Bao gồm 07 nhóm: Về quản lý và sử dụng đất đai; Về tổ chức sản xuất và xây dựng mô hình sinh kế bền vững; Về quản lý sự di cư; Về giáo dục; Về nâng cao vị thế và mở rộng chức năng các ngôn ngữ dân tộc thiểu số; Về bảo tồn văn hóa đối với cả 53 cộng đồng NDTTS ở Việt Nam hiện nay gắn kết với các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội chung của cả vùng, cơ sở, địa phương sinh sống của các cộng đồng NDTTS; Về quản lý xã hội và thực hành tôn giáo, tín ngưỡng gắn với nội dung bảo vệ QCNDTTS, hạn chế mọi hành vi xâm phạm đến QCN của NDTTS.

Tiểu kết chương 4

Đặt vấn đề nghiên cứu QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay không chỉ nhằm bảo đảm các vấn đề của QCN liên quan đến các vấn đề về văn hóa và ngôn ngữ thiểu số, mà còn thúc đẩy hòa bình, phát triển kinh tế, an ninh, ổn định chính trị, xã hội ở nước ta. Do đó, làm rõ 06 quan điểm bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay là yêu cầu đặc biệt quan trọng. Trên cơ sở đó định hướng để xây dựng 03 nhóm giải

pháp bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay nhằm đáp ứng những yêu cầu thống nhất như trên.

KẾT LUẬN

1. Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc thống nhất có 54 dân tộc cùng chung sống xen kẽ, trong đó người dân tộc Kinh chiếm khoảng 86% dân số, 53 cộng đồng dân tộc còn lại chỉ chiếm 14% dân số, hiện nay tương ứng khoảng hơn 12 triệu người. Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng và trong mỗi bước đi của từng giai đoạn lịch sử, Đảng và Nhà nước ta đã xác định vấn đề dân tộc có ý nghĩa to lớn trong đại đoàn kết toàn dân và trong sự nghiệp cách mạng. Đảng và Nhà nước nhất quán về chủ trương xây dựng quan hệ bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

2. Hoà bình - ổn định là xu thế mà Việt Nam nói riêng, cả nhân loại nói chung luôn mong muốn tồn tại vĩnh viễn. Tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện QCN nói chung, QCNDTTS nói riêng là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu nhất quán của Đảng, Nhà nước ta, được quy định trong Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Tuy nhiên, các cuộc chiến trong lịch sử đã gây ra quá nhiều mất mát, đau thương và cho đến nay vẫn không hoàn toàn được xóa nhòa. Điều đó đã khiến con người có bản năng phòng bị, mỗi quốc gia có biện pháp riêng để tự bảo đảm QCN cho công dân của mình. Nếu trước đây, xung đột vũ trang hay chiến tranh lạnh là phương thức biểu hiện mâu thuẫn hoặc chống đối giữa các quốc gia thì trong xu thế hội nhập sâu và rộng như hiện nay, diễn biến hoà bình lại là tình trạng diễn ra phổ biến, nhằm gây mất uy tín và bất ổn chính trị cho quốc gia đối phương. Những luận điểm là

xuyên tạc, sai lầm hay là chính xác về một chính sách hay pháp luật của một quốc gia về vấn đề dân tộc cần có được lời giải thích đáng. Do đó, vấn đề đặt ra là yêu cầu phải làm rõ những vấn đề nghiên cứu lý luận và thực tiễn về bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

3. Trong Chương 1 về *“Tổng quan tình hình nghiên cứu và những vấn đề liên quan đến luận án”*, luận án đã điểm lại nhiều nghiên cứu, tài liệu trong, ngoài nước về các vấn đề có liên quan. Qua đó, cho thấy chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu toàn diện, hệ thống về đề tài của Luận án là QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay.

4. Chương 2 về *“Cơ sở lý luận về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay”* cũng cho thấy rõ các điều ước quốc tế, pháp luật Việt Nam và các nghiên cứu trong, ngoài nước cho tới nay chưa đi đến thống nhất về khái niệm chung người thiểu số; NDTTS; QCNDTTS. Từ những nghiên cứu nêu trên, từ thực tiễn của pháp luật quốc tế về bảo vệ quyền của người thiểu số và thực tiễn xây dựng, thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam, tác giả Luận án đóng góp khái niệm: *“Quyền của người dân tộc thiểu số là tập hợp những nhu cầu, lợi ích tự nhiên của người dân tộc thiểu số trong mối tương quan bình đẳng với người dân tộc đa số ở một quốc gia đa dân tộc, được pháp luật công nhận nhằm thừa nhận, tôn trọng, bảo vệ và thúc đẩy thực hiện”*.

5. Chương 3 *“Thực trạng bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay”*, tiếp tục là đóng góp mới, trước hết qua việc hệ thống hóa thành tựu trong xây dựng và hoàn thiện chính sách và pháp luật về QCNDTTS ở Việt Nam từ thế kỷ X đến nay. Với nền tảng của đạt được trong thời kỳ phong kiến, khẳng định mục tiêu thống nhất về đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. QCNDTTS đang ngày càng được áp dụng rộng rãi và tham gia ngày càng sâu

rộng của toàn xã hội. Luận án cho thấy bức tranh toàn cảnh về những vấn đề nổi bật của người dân tộc thiểu số, gắn với nhu cầu bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay. Chương 3 đã phân tích có hệ thống thực tiễn ghi nhận chính sách và pháp luật về QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay, phân tích thực trạng của thiết chế bảo đảm và thực trạng tổ chức thực hiện QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay, phân tích thực trạng các điều kiện bảo đảm QCNDTTS. Qua đó có thể rút ra nhận xét chung là mặc dù có mức độ ghi nhận cao QCNDTTS trong Hiến pháp và pháp luật hiện hành nhưng do sự thiếu thốn về điều kiện bảo đảm cho nên công tác tổ chức triển khai thực hiện QCNDTTS của hệ thống chuyên trách chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

6. Chương 4 về “*Quan điểm và giải pháp bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay*” đã làm rõ 06 quan điểm hoàn thiện và xây dựng pháp luật nhằm bảo đảm QCNDTTS ở Việt Nam hiện nay. Luận án đưa ra 03 nhóm giải pháp, bao gồm nhóm giải pháp hoàn thiện chính sách và pháp luật bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số; nhóm giải pháp về tăng cường hiệu quả của các thiết chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số và nhóm giải pháp về bảo đảm điều kiện kinh tế, văn hóa – xã hội./.

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

1. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Xây dựng tiêu chuẩn về “quyền của người dân tộc thiểu số” - hướng tiếp cận trong nghiên cứu lý luận tại Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 10(330)-2015, ISSN 0866-7446, Tr.11-17;
2. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Tính thời đại trong quan điểm của Hồ Chí Minh về bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số*, Tạp chí Cộng sản số 116 (8-2016), Tr. 40-45;
3. Trương Thị Hồng Hà, Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát sự vận dụng trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN*, Tạp chí Thanh tra, Số 07/2012, Tr.10 - 12;
4. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Một số giải pháp nhằm bảo vệ quyền lợi và nâng cao nhận thức của phụ nữ Việt Nam trong quan hệ hôn nhân có yếu tố nước ngoài*, Tạp chí Khoa học công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương, Số (2) 23/2012, ISSN: 1859-3968, Tr.38 - 40;
5. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Đánh giá việc thực hiện chính sách dân tộc nhằm bảo đảm quyền của các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*, Tạp chí Thanh tra, số 8/2012, Tr. 23 - 24;
6. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Các giai đoạn phát triển của pháp luật quốc tế về nhân quyền đối với người dân tộc thiểu số*, Tạp chí Khoa học Công nghệ, Trường Đại học Hùng Vương, số 1(1)-2015. Tr.42 - 47;
7. Do Mac Ngan Doanh, *Dealing with climate change in the living area of ethnic minorities - from human rights based approach*, Proceedings of the international conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change (LDEM), ISSN: 978-604-60-2164-3, Agriculture Publishing House, Hà Nội, 2015, tr. 71-78;
8. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Bối cảnh hội nhập ASEAN và những vấn đề đặt ra đối với quyền của người dân tộc thiểu số tại Việt Nam hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo quốc tế Kinh tế văn hóa xã hội các dân tộc thiểu số trong bối cảnh hội nhập ASEAN, 5/2015, Tr. 44-54;
9. Do Mac Ngan Doanh, *Context of linguistic diversity in Southeast Asia with ensuring the rights of ethnic minorities*, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Văn hóa và ngôn ngữ các dân tộc trong sự giao thoa giữa các quốc gia Đông Nam Á, 2016, Tr. 427 – 432.
10. Đỗ Mạc Ngân Doanh, *Cơ chế bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Khoa học, Đại học Tân Trào, ISSN: 2354-1431, Số 05-4/2017, Tr. 119-124.